

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DSST

Ngày: 10-5-2019

V/v tranh chấp về

hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-DS ngày 01/04/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-DS ngày 18/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm: 1986, địa chỉ cư trú: Số nhà 345/1/1 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Nh, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N có mặt, ông Nh vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/11/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:

Do chỗ quen biết nên ông Bùi Văn Nh có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn buôn bán còn thực tế ông sử dụng việc gì bà không biết. Bà đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng và ông Nh viết *giấy mượn tiền* đề ngày 27/04/2018, cam kết trong vòng 30 ngày ông Nh sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà, về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 20%/năm, thời hạn 3 tháng nhưng ông Nh không trả cho bà cả tiền gốc và tiền lãi. Ngày 25/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, ông Nh tiếp tục viết giấy hẹn trả nợ, tiêu đề *nghi giấy mượn tiền*, nội dung ông Nh hẹn trong thời hạn từ 25/7/2018 đến ngày 25/8/2018 sẽ hoàn trả đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bà N, bà N đã đến nhà ông Nh đòi nợ, điện thoại yêu cầu trả nợ nhưng ông Nh lẩn tránh cố tình không trả nợ cho bà N.

Bà N yêu cầu ông Nh phải trả cho bà N số tiền 103.294.000 đồng, gồm 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.294.000 đồng tiền lãi (tạm tính từ ngày 25/7/2018 đến ngày 27/11/2018) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/11/2018 cho đến khi vụ án giải quyết xong. Tại văn bản ngày 26/02/2019 và tại phiên tòa bà N rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với ông Nh, chỉ yêu cầu ông Nh trả cho bà N tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Về chứng cứ bà N đã nộp gồm có: 01 bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 27/4/2018, 01 bản giấy mượn tiền đề ngày 25/07/2018 cùng do ông Bùi Văn Nh viết, ký.

Bị đơn ông Bùi Văn Nh không có văn bản trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ông Bùi Văn Nh là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nh.

[2] **Về nội dung:** Căn cứ tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Quỳnh N là nguyên đơn giao nộp gồm hai “*giấy mượn tiền*” đề ngày 27/04/2018 và ngày 25/7/2018 có chữ viết, chữ ký người mượn tiền tên Bùi Văn Nh, thể hiện nội dung ông Nh có mượn của bà N số tiền gốc 100.000.000 đồng và cam kết thời hạn trả nợ cuối cùng cho bà N là ngày 25/8/2018 nhưng theo bà N trình bày đến nay ông Nh không trả nợ gốc, lãi cho bà N như cam kết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản, thủ tục tố tụng của Tòa án cho ông Bùi Văn Nh, thông báo về nội dung bà N khởi kiện, yêu cầu ông Nh phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng cho bà N theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nh không nộp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N buộc ông Nh phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng cho bà N theo Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] **Về tiền nợ lãi:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tiền lãi suất, không yêu cầu giải quyết về tiền lãi suất đối với ông Nh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tiền lãi suất của bà N đối với ông Nh.

[4] **Về án phí:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Bùi Văn Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà N là 5.000.000 đồng, {(100.000.000 đồng x 5 %)}

Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh N. Buộc ông Bùi Văn Nh phải trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lãi suất của bà Nguyễn Thị Quỳnh N đối với ông Bùi Văn Nh.

3/ Ông Bùi Văn Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

4/ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.582.000 đồng (*Hai triệu năm trăm tám mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2018/0000182 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

5/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Bùi Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tấn

Trịnh Thanh

Hoàng Thị Mai Hạnh

